

Budsas

English & Vietnamese - Tiếng Anh & tiếng Việt -

TUESDAY 15 JULY 2008

Các cõi giới

Tóm tắt về vũ trụ quan và thế giới quan thường gặp trong kinh điển và luận giải Phật giáo. Đây là quan điểm của người thời xưa -- 2,500 năm trước, chung cho các đạo giáo ở Ấn Độ, không nhất thiết chỉ có trong Phật giáo.

BUDDHIST COSMOLOGY - VŨ TRỤ QUAN PHẬT GIÁO

A. Vô sắc giới (Formless World, Arūpa Loka)

31. Phi tưởng, phi phi tưởng thiên (Devas of Sphere of Neither-perception nor non-perception; Nevasaññā-nasaññā-yatanūpagā devā)

30. Vô sở hữu thiên (Devas of Sphere of No-thingness; Ākiñcañña-yatanūpagā devā)

29. Thức vô biên thiên (Devas of Sphere of Infinite Consciousness; Viññānañca-

ABOUT ME



bu

A hum
residir
Austra

tâm thường, cư ngụ t
Website: www.budsas.com

View my complete profile

BLOG ARCHIVE

▶ 2023 (44)

▶ 2022 (59)

▶ 2021 (98)

yatanūpagā devā)

28. Không vô biên thiên (Devas of Sphere of Infinite Space; Ākāsānañca-yatanūpā devā)

B. Sắc giới (World of Form, Rūpa Loka)

B4. Tứ thiên

27. Vô song thiên (Peerless devas; Akanitthā devā)

26. Thiện kiến thiên (Clear-sighted devas; Sudassī devā)

25. Thiện hiện thiên (Beautiful or Clearly Visible devas; Sudassā devā)

24. Vô phiền thiên (Untroubled devas; Atappā devā)

23. Vô đọa thiên (Devas not Falling Away; Avihā devā)

22. Vô tưởng thiên (Unconscious beings; Asaññā sattā)

21. Quảng quả thiên (Very Fruitful devas; Vehapphalā devā)

B3. Tam thiên

20. Biển tịnh thiên (Devas of Refulgent Glory; Subhakinnā devā)

19. Vô lượng tịnh thiên (Devas of Unbounded Glory; Appamānasubhā devā)

18. Thiếu tịnh thiên (Devas of Limited Glory; Parittasubhā devā)

B2. Nhị thiên

17. Quang minh thiên (Devas of Streaming Radiance; Ābhassarā devā)

16. Vô lượng quang thiên (Devas of Unbounded Radiance; Appamānabhā devā)

15. Thiếu quang thiên (Devas of Limited Radiance; Parittabhā devā)

- ▶ 2020 (73)
- ▶ 2019 (54)
- ▶ 2018 (79)
- ▶ 2017 (67)
- ▶ 2016 (126)
- ▶ 2015 (30)
- ▶ 2014 (10)
- ▶ 2013 (38)
- ▶ 2012 (12)
- ▶ 2011 (82)
- ▶ 2010 (36)
- ▶ 2009 (30)
- ▼ 2008 (16)
 - ▶ October (1)
 - ▶ September (1)

- ▼ July (2)
 - Các cõi giới
 - Metta Sutta - Kinh Lòng Từ

B1. Sơ thiên

14. Đại phạm thiên (Great Brahmas; Mahā Brahmā)
13. Phạm phụ thiên (Ministers of Brahmas; Brahma-Purohitā devā)
12. Phạm chúng thiên (Retinue of Brahma; Brahma-Parisajjā devā)

C. Dục giới (World of Sense-Desires, Kama Loka)

11. Tha hóa tự tại thiên (Devas Wielding Power over Others' Creations; Paranimmita-vasavattī devā)
10. Hóa lạc thiên (Devas Delighting in Creation; Nimmānaratī devā)
09. Đâu-suất thiên (Contented devas; Tusitā devā)
08. Dạ-ma thiên (Yama devas; Yāmā devā)
07. Đao-lợi thiên (The Thirty-Three Gods; Tāvatisa devā)
06. Tứ thiên vương thiên (Devas of the Four Great Kings; Catumahārājikā devā)

05. Loài người (Human beings; Manussā)

04. Loài a-tu-la (Titans; Asurā)
03. Loài ngạ quỷ (Hungry ghosts; Petā)
02. Loài thú vật (Animals; Tiracchānā)
01. Loài đọa địa ngục (Hells; Nirayā)

*

	Các cõi		Tuổi thọ		Tâm
Vô sắc giới (Formless World, <i>Arupa Loka</i>)	31. Phi tướng, phi phi tướng thiên	Devas of Sphere of Neither-perception nor non-perception; <i>Nevasaññā-nasaññā-yatanūpagā devā</i>	84.000 Đại A-tăng-kỳ		Thiên vô sắc
	30. Vô sở hữu thiên	Devas of Sphere of No-thingness; <i>Ākāśaśūnya-yatanūpagā devā</i>	60.000		
	29. Thức vô biên thiên	Devas of Sphere of Infinite Consciousness; <i>Vīṇānaśūnya-yatanūpagā devā</i>	40.000		
	28. Không vô biên thiên	Devas of Sphere of Infinite Space; <i>Ākāśānaśūnya-yatanūpagā devā</i>	20.000		
Sắc giới (World of Form, <i>Rūpa Loka</i>)	27. Vô song thiên	Peerless devas; <i>Akanīṭha devā</i>	16.000	Tịnh cư thiên (Pure Abodes; <i>Suddhavāsa</i>) Thánh Bất lai (<i>Anāgāmi</i>)	Tứ thiên
	26. Thiên kiến thiên	Clear-sighted devas; <i>Sudassī devā</i>	8.000		
	25. Thiên hiện thiên	Beautiful or Clearly Visible devas; <i>Sudassā devā</i>	4.000		
	24. Vô phiền thiên	Untroubled devas; <i>Atappā devā</i>	2.000		
	23. Vô đoạ thiên	Devas not Falling Away; <i>Aviha devā</i>	1.000		
	22. Vô tưởng thiên	Unconscious beings; <i>Asaññā sattā</i>	500		
	21. Quảng quả thiên	Very Fruitful devas; <i>Vehapphalā devā</i>	500		
	20. Biền tinh thiên	Devas of Refulgent Glory; <i>Subhakinā devā</i>	64		Tam thiên
	19. Vô lượng tinh thiên	Devas of Unbounded Glory; <i>Appamāṇasubhā devā</i>	32		
	18. Thiếu tinh thiên	Devas of Limited Glory; <i>Parittasubhā devā</i>	16		
	17. Quang minh thiên	Devas of Streaming Radiance; <i>Abhassarā devā</i>	8		Nhị thiên
	16. Vô lượng quang thiên	Devas of Unbounded Radiance; <i>Appamāṇabhā devā</i>	4		
	15. Thiếu quang thiên	Devas of Limited Radiance; <i>Parittabhā devā</i>	2		
	14. Đại phạm thiên	Great Brahmas; <i>Mahā Brahmā</i>	1 Tăng-kỳ		Sơ thiên
13. Phạm phụ thiên	Ministers of Brahmas; <i>Brahma-Purohita devā</i>	½			
12. Phạm chúng thiên	Retinue of Brahma; <i>Brahma-Paisajjā devā</i>	1/3			
Dục giới (World of Sense- Desires, <i>Kāma Loka</i>)	11. Tha hóa tự tại thiên	Devas Wielding Power over Others' Creations; <i>Paranirmita-vasavattī devā</i>	16.000 Thiên niên		Thập thiện nghiệp
	10. Hóa lạc thiên	Devas Delighting in Creation; <i>Nimmānarati devā</i>	8.000		
	09. Đâu-suất thiên	Contented devas; <i>Tusitā devā</i>	4.000	Bồ-tát	
	08. Dạ-ma thiên	Yama devas; <i>Yamā devā</i>	2.000		
	07. Đao-lợi thiên	The Thirty-Three Gods; <i>Tāvātīsa devā</i>	1.000		
	06. Tứ đại vương thiên	Devas of the Four Great Kings; <i>Cātummahārājikā devā</i>	500		
	05. Loài người	Human beings; Manussa			Thập ác nghiệp
	04. Loài a-tu-la	Titans; <i>Asurā</i>	Không xác định	Cõi Khổ (<i>Apāya</i>)	
	03. Loài nga quỷ	Hungry ghosts; <i>Petā</i>			
	02. Loài thú vật	Animals; <i>Taccānā</i>			
01. Loài đoạ địa ngục	Hells; <i>Niraya</i>				

Mặt đất: Hình đĩa tròn, vành ngoài là 1 vòng đai rặng núi sắt, chứa đại dương. Ở chính giữa là núi Tu-di (Sineru, Meru). Có 4 đại lục (châu) ở 4 hướng:

- Đông: Phất-vu-đãi (Pubbavideha), Đông thẳng thàn châu. Hình bán nguyệt.
- Tây: Câu-đa-ni (Godaniya), Tây ngưu xa châu. Hình tròn.
- Nam: Diêm-phù-đề (Jampudipa), còn gọi là Nam thiện bộ châu, nơi chúng ta trú ngụ. Hình tam giác ngược, giống như hình bán đảo Ấn Độ.
- Bắc: Uất-đan-viết (Uttarakuru), Bắc câu lưu châu. Hình vuông.

Đĩa mặt đất này có 4 lớp: trên cùng là lớp đất xốp mà chúng ta đang ở. Bên dưới là 1 lớp đất cứng, cứng như vàng. Kế đến là 1 lớp chất lỏng, gọi là lớp nước. Dưới cùng là 1 lớp không khí có những cơn gió vận chuyển. Toàn bộ đĩa mặt đất này lơ lửng trong chân không.

Núi Tu-di: Trên đỉnh núi là cõi trời Đao-lợi (Tavatimsa) -- hay Tam thập tam (33). Thiên chủ là Đế-thích (Sakka).

Ở triền núi Tu-di là cõi trời Tứ đại thiên vương (Catummaharajika), kể cả các loài Cưu-bàn-trà (Kumbhanda) hay La-sát (Rakkhasa), Càn-thác-bà (Gandhabba), Rồng hay Rắn thần (Naga), Dạ-xoa (Yakkha), Kim xí điểu (Garuda, Đại bàng), Nhân điểu (Kinnara).

Có sách liệt kê La-sát, Càn-thác-bà, Rồng và Dạ-xoa là "á thần, á thiên" - chư thiên loại thấp, trong cõi Tứ đại thiên vương, do 4 thiên vương cai quản:

- 1) Thiên vương Dhatarattha cai quản loài Càn-thác-bà,
- 2) Thiên vương Virulhaka cai quản loài La-sát,
- 3) Thiên vương Virupakkha cai quản loài Ròng,
- 4) Thiên vương Kuvera cai quản loài Dạ-xoa.

Ở chân núi, các hang hố sâu, là nơi của loài A-tu-la (asura). Có sách phân biệt 2 loại: Atula thiên và Atula quỷ.

Mặt trăng – trú xứ của thiên tử Candima, và mặt trời – trú xứ của thiên tử Suriya -- quay quanh núi Tu-di, được xem như thuộc về cõi trời Tứ đại thiên vương.

Loài người, thú vật, ngạ quỷ ở lẫn lộn, chung với nhau. Ngoài ra, cũng có các địa cư thiên (địa tiên) và các chúng sinh khác thuộc quyền cai quản của Tứ đại thiên vương. Toàn thể hệ thống mặt đất nêu trên gọi là 1 Thế giới. Một ngàn thế giới như thế tạo thành 1 Tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới như thế tạo thành 1 Trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới như thế tạo thành 1 Đại thiên thế giới.

*

Bên dưới mặt đất là địa ngục: ngục nóng (hỏa ngục) và ngục lạnh (hàn ngục).

Bên trên mặt đất là các tầng trời, từ cõi 08 đến cõi 31:

- a) 08-11: Dục giới
- b) 12-27: Sắc giới
- c) 28-31: Vô sắc giới

Tịnh cư thiên (Pure abodes, Sudavasa): 5 cõi trời cao nhất của cõi Vô sắc, số 23-27, là trú xứ của các vị Bất lai (A-na-hàm, Anagami).

Brahmā: Phạm thiên

Vài vị Phạm thiên thường gặp trong kinh điển:

Sahampati: thường thân cận với Đức Phật, thỉnh cầu Ngài hoằng pháp sau khi Ngài thành đạo, và cũng hiện diện khi Ngài nhập diệt. Trong Tương ưng bộ có ghi các lời đối thoại của Phạm thiên Sahampati.

Baka: kinh Bakabrahma sutta (SN VI.04), và Brahmanimantanika sutta (MN 49)

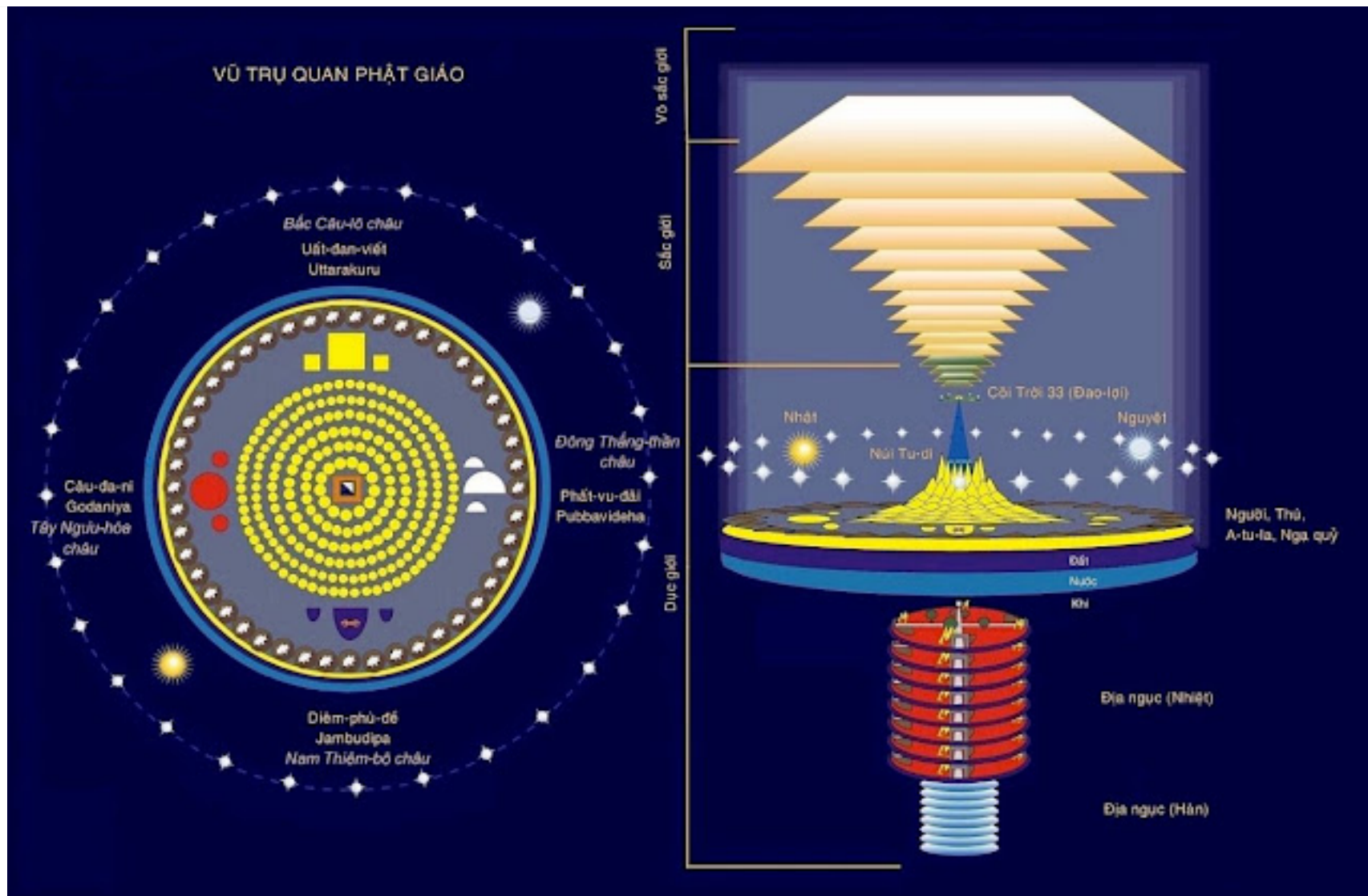
Brahmayu: Brahmayu sutta (MN 91)

Sanankumāra: kinh Xa-ni-sa - Janavasabha sutta (DN.18)

Mahābrahmā – Đại phạm thiên: kinh Phạm Võng - Brahmajāla sutta (DN.1)

Xem thêm Chương VI, Tương ưng Phạm thiên, Tương ưng bộ (Saṃyutta Nikāya).

*



*

Tham khảo:

1) Vi diệu pháp Toát yếu, <http://www.buddhanet.net/budsas/uni/u-vdp-ty/vdpty00.htm>

2) Thắng pháp tập yếu luận, <http://www.buddhanet.net/budsas/uni/u-vdp-mc/vdpmc00.htm>

Posted by [budsas](#) at [15:07](#)



Labels: [Kinh](#)

No comments:

[Post a Comment](#)

[Newer Post](#)

[Home](#)

[Older Post](#)

Subscribe to: [Post Comments \(Atom\)](#)

Picture Window theme. Powered by Blogger.